ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG, TỐI ƯU HÓA HÀNH TRÌNH CÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 550 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT

Nằm trên địa bàn duyên hải miền trung Việt Nam, tỉnh Thừa Thiên Huế đóng vai trò là trung tâm kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung và là một trong những trung tâm lớn của cả nước về văn hóa, du lịch. Thừa Thiên Huế có lợi thế rất lớn trong phát triển kinh tế - xã hội do nằm trên trục giao thông quan trọng xuyên Bắc - Nam, trục hành lang Đông - Tây nối Thái Lan - Lào - Việt Nam theo đường 9. Bên cạnh đó, Thừa Thiên Huế được hưởng nhiều lợi thế do nằm ở vị trí trung độ của cả nước, giữa thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là hai trung tâm lớn của hai vùng kinh tế phát triển nhất nước.

Với vị trí đặc biệt về địa lý và tiềm năng khai thác du lịch lớn, tỉnh Thừa Thiên Huế cần phải xây dựng một hệ thống GTVT xứng tầm. Bên cạnh việc đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại và liên thông với hệ thống giao thông quốc gia và khu vực, việc phát triển các dịch vụ vận tải cần phải được chú trọng để đảm bảo nhu cầu đi lại của người dân trên địa bàn tỉnh cũng như một khối lượng ngày càng gia tăng các khách du lịch trong và ngoài nước.

Việc phê duyệt "Điều chỉnh quy hoạch phát triển GTVT tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030" (Quyết định 1174/QĐ-UBND năm 2015) và "Quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030" (Quyết định 2011/QĐ-UBND năm 2014) đã thể hiện quyết tâm của tỉnh trong việc xây dựng những nhiệm vụ trọng tâm về phát triển bền vững hệ thống GTVT.

Tính đến cuối năm 2018, mạng lưới vận tải công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh bao gồm 18 tuyến với tổng chiều dài mạng lưới là 834,4 km cùng chiều dài bình quân tuyến 46km. Theo tính toán, với sản lượng 1,28 triệu lượt hành khách năm 20181 , hoạt động hành khách công cộng (VTHKCC) bằng xe buýt mới chỉ đáp ứng khoảng 0,47% nhu cầu đi lại của dân cư đô thị trên địa bàn tỉnh2 , con số này có khoảng cách rất lớn so với mục tiêu đặt ra trong quy hoạch là đến năm 2020, VTHKCC bằng xe buýt phải đáp ứng 7 - 8% nhu cầu đi lại của dân cư đô thị trên địa bàn tỉnh.

Cùng với đó qua việc phân tích hiện trạng hoạt động của các tuyến buýt có thể thấy chính việc bố trí không hợp lý các tuyến là nguyên nhân dẫn tới việc mạng lưới VTHKCC bằng xe buýt kém hấp dẫn đối với người dân đô thị.

Quan trọng hơn nhiều năm gần đây việc triển khai công tác trợ giá chưa ràng buộc vai trò của doanh nghiệp khai thác trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ cũng là một yếu tố khiến cho công tác trợ giá chưa thực sự hiệu quả. Doanh nghiệp không thấy trách nhiệm của đơn vị mình đối với xã hội và nhà nước khi thực hiện chủ trương trợ giá hoạt động xe buýt. Điều này dẫn tới thực tế sản lượng VTHKCC bằng xe buýt giảm và chất lượng dịch vụ không được nâng cao, cải thiện.

Chính vì vậy, đề án "Điều chỉnh phương thức hoạt động, tối ưu hóa hành trình các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh" cần thiết nghiên cứu xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2018;

Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 06/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 20/06/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ Đề án: "Điều chỉnh phương thức hoạt động, tối ưu hóa hành trình các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh".

Phần II

NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng thể

Rà soát, điều chỉnh phương thức hoạt động và tối ưu hóa hoạt động của các tuyến vận tải khách công cộng bằng xe buýt (gồm các tuyến trợ giá từ ngân sách và một số tuyến cần thiết theo nhu cầu thực tế).

2. Mục tiêu cụ thể

- Đánh giá, phân tích hiện trạng hoạt động, vận hành khai thác của 05 tuyến xe buýt trợ giá;

- Phân tích ưu điểm, nhược điểm giữa phương án đề xuất điều chỉnh phương thức hoạt động và phương án hiện tại của 05 tuyến trợ giá;

- Xây dựng phương án hoạt động của 05 tuyến buýt sau khi điều chỉnh phương thức hoạt động trên nguyên tắc đảm bảo phù hợp với các quy hoạch giao thông, vận tải công cộng đã được phê duyệt trước đó cũng như đảm bảo chất lượng, giá cả dịch vụ và tính kết nối với dịch vụ đô thị thông minh trong tương lai;

- Đề xuất giải pháp triển khai thực hiện đề án.

II. PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG 06 TUYẾN BUÝT SAU KHI ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG

1. Phương án lộ trình

1.1 Tuyến 01: Bến xe phía Bắc - Bến xe phía Nam

- Cự ly tuyến: 9,4 km

- Lộ trình:

+ Chiều đi: Bến xe phía Nam - An Dương Vương - Hùng Vương - Lê Lợi - Ga Huế - Bùi Thị Xuân - Cầu Dã Viên - Lý Thái Tổ - Bến xe phía Bắc;

+ Chiều về: Bến xe phía Bắc - Lý Thái Tổ - Lê Duẩn - Cầu Dã Viên - Bùi Thị Xuân – Ga Huế - Lê Lợi - Hùng Vương - An Dương Vương - Bến xe phía Nam.

1.2 Tuyến 02: Bến xe phía Bắc - KCN Phú Bài

- Cự ly tuyến: 21 km

- Lộ trình:

+ Chiều đi: Bến xe phía Bắc - Lê Duẩn - Cầu Dã Viên - Bùi Thị Xuân - Lê Lợi - Nguyễn Huệ - Đống Đa - Lê Quý Đôn - Bà Triệu - Hùng Vương - An Dương Vương - Bến xe phía Nam - QL 1A - Sân Bay Phú Bài - Trạm xe buýt Phú Bài;

+ Chiều về: Trạm xe buýt Phú Bài - Sân Bay Phú Bài - QL 1A - Bến xe phía Nam - An Dương Vương - Hùng Vương - Bà Triệu - Lê Quý Đôn - Đống Đa - Nguyễn Huệ - Lê Lợi - Bùi Thị Xuân - Cầu Dã Viên - Lê Duẩn - Bến xe phía Bắc.

1.3 Tuyến 03: Bến xe Phía Nam – (Thị trấn Thuận An) – Vinh Thanh

- Cự ly tuyến: 30,2 km

- Lộ trình:

+ Chiều đi: Bến xe phía Nam - An Dương Vương - Hùng Vương - Nguyễn Huệ - Lê Hồng Phong - Đống Đa - Nguyễn Huệ - Lê Lợi - Nguyễn Sinh Cung - QL 49 - Thị trấn Thuận An – An Dương – Phú Hải - Phú Diên – Vinh Xuân – Vinh Thanh;

+ Chiều về: Vinh Thanh – Vinh Xuân - Phú Diên – Phú Hải – An Dương - Thị trấn Thuận An - QL 49 - Nguyễn Sinh Cung - Lê Lợi - Nguyễn Huệ - Đống Đa - Lê Hồng Phong - Nguyễn Huệ -Hùng Vương - An Dương Vương - Bến xe phía Nam.

1.4 Tuyến 04: Bến xe Phía Nam – TTr Phong Điền

- Cự ly tuyến: 35,2 km

- Lộ trình:

+ Chiều đi: Bến xe phía Nam - An Dương Vương - Hùng Vương - Bà Triệu - Lê Quý Đôn - Hà Nội - Cầu Phú Xuân - Đông Ba - Trần Hưng Đạo - Lê Duẩn - Lý Thái Tổ - Bến xe Phía Bắc - QL 1A - Chợ An Lỗ - BVTW Huế cơ sở 2 - Trạm quay đầu xe buýt Phong Điền;

+ Chiều về: Trạm quay đầu xe buýt Phong Điền - BVTW Huế cơ sở 2 - Chợ An Lỗ - QL 1A - Bến xe phía Bắc - Lý Thái Tổ - Lê Duẩn - Trần Hưng Đạo - Đông Ba - Cầu Phú Xuân - Hà Nội - Lê Quý Đôn - Bà Triệu - Hùng Vương - An Dương Vương - Bến xe phía Nam.

1.5 Tuyến 05: TTr Phong Điền – UBND xã Phong Hòa

- Cự ly tuyến: 12,6 km

- Lộ trình:

+ Chiều đi: TTr Phong Điền – UBND xã Phong Thu – Hải Chánh – Ngã ba Mỹ Chánh – QL 49B – Làng cổ Phước Tích – UBND xã Phong Hòa;

+ Chiều về: UBND xã Phong Hòa – Làng cổ Phước Tích – QL49B – Ngã ba Mỹ Chánh – Hải Chánh – UBND xã Phong Thu – TTr Phong Điền.

1.6 Tuyến 06: Bến xe Phía Nam – Bến xe Quảng Điền

- Cự ly tuyến: 22,6 km

- Lộ trình:

+ Chiều đi: Bến xe Phía Nam - An Dương Vương – Hùng Vương - Bà Triệu - Lê Quý Đôn - Đống Đa - Lý Thường Kiệt - Hà Nội - Cầu Phú Xuân - Đông Ba - Huỳnh Thúc Kháng - Đào Duy Anh - Tăng Bạt Hổ - Cầu Bạch Yến - Tản Đà - Nguyễn Chí Thanh (Quảng Điền) - Bến xe Quảng Điền;

+ Chiều về: Bến xe Quảng Điền - Nguyễn Chí Thanh (Quảng Điền) - Tản Đà - Cầu Bạch Yến - Tăng Bạt Hổ - Đào Duy Anh - Huỳnh Thúc Kháng - Đông Ba - Cầu Phú Xuân - Hà Nội - Lý Thường Kiệt - Đống Đa - Lê Quý Đôn - Bà Triệu – Hùng Vương - An Dương Vương - Bến xe phía Nam.

2. Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đối với 06 tuyến buýt sau khi điều chỉnh mạng lưới như sau:

Thời gian hoạt động: 06h00 – 18h00. Riêng tuyến số 2 (Bến xe phía Bắc - KCN Phú Bài) do đặc điểm vận hành sẽ có thời gian mở tuyến sớm hơn, từ 05h00);

Giãn cách trong giờ cao điểm: trung bình 10 phút đến 20 phút, có tuyến 15 phút đến 40 phút.

(*Chi tiết chỉ tiêu kỹ thuật được thể hiện tại Phụ lục 5 kèm theo Quyết định*)

3. Phương án cơ sở hạ tầng

a) Bến xe buýt chuyên dùng phục vụ xe buýt:

Bố trí bến xe buýt chuyên dùng phục vụ xe buýt tại khu B – Khu đô thị mới An Vân Dương với diện tích khoảng 2,11ha.

b) Điểm đầu/cuối:

- Bến xe phía Bắc;

- Bến xe phía Nam;

- Điểm đầu cuối tại Thị trấn Phong Điền;

- Điểm đầu cuối tại Vinh Thanh (khu vực chợ Chiều Vinh Thanh);

- Điểm đầu cuối tại Bến xe Quảng Điền;

- Điểm đầu cuối tại cổng KCN Phú Bài;

- Điểm đầu cuối tại UBND xã Phong Hòa;

Các vị trí này cần đảm bảo các công năng cơ bản bao gồm:

- Khu vực đậu/đỗ kỹ thuật vận hành cho phương tiện;

- Khu vực đậu/đỗ xe qua đêm gồm các vị trí: tại Huyện Phong Điền; Thị Trấn Sịa huyện Quảng Điền; Thị trấn Thuận An (khu vực giao Quốc lộ 49A & QL49B), xã Vinh Thanh, huyện Phú Vang, nhằm giảm cự ly huy động vận hành);

- Nhà chờ cho hành khách;

- Thông tin mạng lưới buýt và chi tiết tuyến buýt;

- Khu vực bán vé;

- Khu vực thương mại; tác nghiệp phương tiện (nếu có diện tích).

c) Điểm dừng, nhà chờ

Tổng số điểm dừng; nhà chờ sau khi điều chỉnh là 306 vị trí.

Trong đó:

- Nhà chờ xây mới: 115 vị trí

- Biển báo xây mới: 178 vị trí

- Điểm dừng hiện trạng cải tạo: 18 vị trí

- Điểm dừng/ nhà chờ tháo dỡ: 17 vị trí

- Đối với nhà chờ, phân kỳ đầu tư thành hai giai đoạn trong đó giai đoạn 1 tập trung đầu tư hạ tầng khu vực thành phố Huế; giai đoạn 2 đầu tư cho toàn bộ mạng lưới 06 tuyến.

Cụ thể:

- Giai đoạn 1: Tổng 48 nhà chờ.

- Giai đoạn 2: Tổng 67 nhà chờ.

Trong đó:

(Chi tiết bảng tổng hợp và danh sách điểm dừng, nhà chờ 06 tuyến buýt sau khi điều chỉnh lộ trình 06 tuyến buýt được thể hiện tại phụ lục 2; Phụ lục 3 kèm theo Quyết định này).

d) Điểm trung chuyển

Bố trí điểm trung chuyển theo dạng ô phố, có thể bố trí tại 04 vị trí: (1)Vị trí ngã 6 Hùng Vương; (2) Khu vực cầu Phú Xuân; (3) Vị trí đầu đường Lê Lợi (gần ga Huế); (4) Vị trí bến xe Đông Ba.

4. Phương tiện

a) Chủng loại phương tiện

- Lựa chọn phương tiện xe buýt nhỏ (B40) hoặc phương tiện xe buýt trung bình (B60) phục vụ hoạt động 06 tuyến buýt;

- Số lượng phương tiện tối thiểu phải thỏa mãn chỉ tiêu kỹ thuật được thể hiện tại Phụ lục 5 kèm theo Quyết định này;

- Đời xe: tối thiểu sản xuất 2019, xe mới 100%.

b) Đặc điểm kỹ thuật cơ bản

Chiều cao sàn: Bán thấp

Tiêu chuẩn khí thải: EURO 4

Nhiên liệu: dầu (diesel) hoặc nhiên liệu sạch (CNG, LPG) hoặc phương tiện hybrid hoặc xe chạy điện. Trong đó ưu tiên sử dụng các phương tiện thân thiện môi trường.

5. Cơ chế phương án vé:

- Đây là các tuyến buýt không trợ giá, do đó đơn vị vận hành sẽ đề xuất giá vé và kê khai với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-TC-GTVT ngày 15/10/2014 giữa Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải.

- Phương án miễn giảm giá vé cho các đối tượng chính sách và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế là một trong những tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

III. NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN:

Tổng nhu cầu vốn đầu tư: 156 tỷ đồng, từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn vốn xã hội hóa, trong đó:

+ Nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư: 10 tỷ đồng, đầu tư các hạng mục sau: biển báo, sơn kẻ báo hiệu điểm dừng đỗ xe buýt; xây dựng phần mềm App Bus (nếu không kêu gọi được nhà đầu tư).

+ Nguồn vốn xã hội hóa: 146 tỷ đồng, đầu tư các hạng mục: nhà chờ, phương tiện; xây dựng phần mềm App Bus (nếu đáp ứng đủ yêu cầu, điều kiện và tiêu chí của cơ quan có thẩm quyền).

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ

a) Giải pháp Phương án phát triển tổng thể mạng lưới tuyến

Xây dựng đề án Phương án phát triển tổng thể mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt bao gồm tất cả các loại hình vận tải hành khách công cộng trong tương lai bao gồm hệ thống xe buýt thường và hệ thống xe buýt khối lượng lớn.

b) Giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng

- Tiếp tục triển khai ưu tiên đầu tư hoàn thiện, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng giao thông và kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động 06 tuyến buýt;

- Ưu tiên bố trí quỹ đất và đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ hệ thống VTHKCC như: bến xe buýt chuyên dùng, điểm đầu cuối, trạm trung chuyển, điểm dừng đỗ.

- Thực hiện kêu gọi nguồn lực xã hội hóa trong việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng vận tải công cộng bằng xe buýt.

c) Giải pháp tuyên truyền

Nâng cao công tác tuyên truyền đến người dân, du khách và hành khách về hệ thống vận tải công cộng trong đó nhấn mạnh về lợi ích, tác dụng việc sử dụng xe buýt và phổ biến chính sách mới dành cho hành khách sử dụng xe buýt.

2. Giải pháp xây dựng khung thể chế cho hoạt động xe buýt

- Xây dựng quy định quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- Hướng dẫn doanh nghiệp vận hành hệ thống xe buýt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện khung Định mức kinh tế kỹ thuật hoạt động xe buýt.

- Xây dựng quy chế đấu thầu vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

3. Giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin

a) Xây dựng app-bus.

Xây dựng phần mềm App-Bus nhằm mục đích tạo thuận tiện cho hành khách; người dân; du khách khi sử dụng xe buýt. Phần mềm app-bus đảm bảo tính tích hợp của phần mềm vào phần mềm HUẾ-S và khả năng hoạt động trên các nền tảng thiết bị di động thông dụng hiện nay (iOS, android).

Các chức năng yêu cầu khi xây dựng phần mềm app-bus bao gồm:

- Ngôn ngữ: Tiếng Anh và Tiếng Việt;

- Chức năng bản đồ giao thông và bản đồ mạng lưới VTHKCC bằng xe buýt;

- Chức năng hiển thị chi tiết lộ trình từng tuyến xe buýt;

- Chức năng hiển thị/ẩn các hạ tầng phục vụ vận tải công cộng bằng xe buýt bao gồm: điểm đầu – cuối; điểm trung chuyển; điểm dừng/đỗ và đồng thời hiển thị các vị trí hạ tầng lân cận xung quanh vị trí người sử dụng;

- Chức năng tìm kiếm vị trí điểm dừng/nhà chờ gần nhất xung quanh vị trí và chỉ đường tới vị trí nhà chờ lựa chọn;

- Chức năng hiển thị phương tiện xe buýt sắp tới và số hiệu tuyến buýt kèm theo;

- Chức năng tìm lộ trình cần đi và các phương án lựa chọn tuyến xe buýt phù hợp.

b) Triển khai lắp đặt camera giám sát

Lắp đặt camera giám sát tại các điểm cơ sở hạ tầng và trên phương tiện xe buýt, kết hợp với thiết bị giám sát hành trình. Hệ thống giám sát hành trình cần đảm bảo cung cấp dữ liệu cho các cơ quan quản lý về việc quản lý lái xe và quản lý phương tiện đang hoạt động. Tất cả các dữ liệu trên cần được truyền về Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Thừa Thiên Huế và Trung tâm giám sát điều hành giao thông của Sở Giao thông vận tải.

4. Giải pháp mô hình quản lý và giám sát hoạt động

Bổ sung nhiệm vụ giám sát, điều hành hoạt động vận tải hành khách công cộng chuyên trách vào Trung tâm giám sát điều hành giao thông của Sở Giao thông vận tải. Bộ phận này có vai trò giúp việc cho Sở Giao thông vận tải trong điều hành; giám sát hoạt động vận tải công cộng cũng như tham mưu các chính sách; cơ chế và kế hoạch phát triển vận tải công cộng;

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giao thông vận tải

- Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, công bố các ưu tiên hoạt động xe buýt;

- Theo dõi, tổng hợp, kiểm tra việc triển khai thực hiện Đề án. Hàng năm, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện và đề xuất những biện pháp nhằm phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

- Chủ trì, thực hiện các nội dung quản lý Đề án theo quy định; thực hiện công bố mở tuyến; điều chỉnh điểm đỗ dừng, tần suất, biểu đồ chạy xe phù hợp với tình hình thực tế; quản lý hạ tầng, chất lượng dịch vụ theo quy định của pháp luật;

- Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan nghiên cứu xây dựng, triển khai các cơ chế, chính sách huy động nguồn lực đột phá phát triển VTHKCC bằng xe buýt, báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định;

- Tổ chức, hướng dẫn quy chế về đấu thầu; Thực hiện tổ chức đấu thầu, chấm thầu, và lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực thực hiện vận hành cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của UBND tỉnh và phù hợp với luật đấu thầu; Tiến hành đàm phán, ký kết hợp đồng cung ứng dịch vụ, giám sát thực hiện hợp đồng, xử lý vi phạm hợp đồng;

- Phối hợp các cơ quan thông tin đại chúng ở địa phương tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến toàn dân về hoạt động 06 tuyến buýt;

- Chủ trì nghiên cứu, đề xuất, trình UBND tỉnh phê duyệt các dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo hạ tầng giao thông phục vụ hoạt động 06 tuyến buýt;

- Trong quá trình thực hiện, nếu có những nội dung trong quy hoạch không còn phù hợp thì đề xuất UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với định hướng phát triển KT-XH của tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc thực hiện chính sách miễn giảm giá vé cho các đối tượng chính sách và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế của đơn vị cung cấp dịch vụ.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có những nội dung trong quy hoạch không còn phù hợp thì đề xuất UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với định hướng phát triển KT-XH của tỉnh; tiếp tục nghiên cứu để bổ sung tiêu chí kỹ thuật và giải pháp hạ tầng đảm bảo phục vụ cho người khuyết tật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu UBND tỉnh trong việc xúc tiến kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước nghiên cứu đầu tư các dự án hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài Chính, Sở GTVT cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách để thực hiện các dự án đã được phê duyệt danh mục trong kế hoạch trung hạn của tỉnh;

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện quy định về đấu thầu áp dụng cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

- Hướng dẫn việc thực hiện các cơ chế, chính sách của nhà nước có liên quan đến hỗ trợ phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải kiểm tra việc thực hiện chính sách miễn giảm giá vé cho các đối tượng chính sách và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định

4. Sở Xây dựng

Chỉ đạo xây dựng, phê duyệt quy hoạch chi tiết các đô thị có xem xét đến quy hoạch vị trí các điểm đầu, điểm cuối, trạm trung chuyển, nhà chờ, bãi đỗ, điều kiện hạ tầng phục vụ hoạt động VTHKCC bằng xe buýt

5. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Ban An toàn giao thông tỉnh và Sở Giao thông vận tải, các đơn vị liên quan đẩy mạnh việc tuyên truyền lợi ích của việc sử dụng xe buýt, tạo sự đồng nhất trong cộng đồng dân cư đối với việc sử dụng xe buýt, góp phần hạn chế phương tiện cá nhân tham gia giao thông và giảm thiểu tai nạn giao thông;

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong việc triển khai xây dựng phần mềm app-bus và chia sẻ dữ liệu trong công tác giám sát hoạt động của Hệ thonogs giao thông công cộng, trong đó, năm 2020 phải hoàn thiện đưa vào vận hành, quản lý được 06 tuyến xe buýt thuộc đề án;

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong việc triển khai bán vé và cung cấp các dịch vụ (thông tin, lịch trình, lộ trình tuyến buýt…) liên quan đến hoạt động xe buýt thông qua hệ thống mạng Internet, mạng viễn thông;

- Hướng dẫn và quản lý việc tổ chức quảng cáo trên phương tiện và tại các khu vực bến bãi, nhà chờ, biển báo.

6. Sở Giáo dục và đào tạo

Chỉ đạo các trường học tổ chức việc đưa đón học sinh, sinh viên bằng xe buýt. Tuyên truyền, khuyến khích học sinh, sinh viên sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt khi đi học và các chuyến đi khác.

7. Sở Tài Nguyên Môi trường

- Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí quỹ đất hợp lý dành cho phát triển 06 tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh;

- Hướng dẫn, kiểm tra thực thi các quy định của pháp luật liên quan đến quản lý sử dụng đất đai phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

8. Sở Văn hóa Thể thao

Hướng dẫn và quản lý việc tổ chức quảng cáo trên phương tiện và tại các khu vực bến bãi, nhà chờ, biển báo.

9. UBND các huyện, thành phố, thị xã: Theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp, triển khai thực hiện nội dung Đề án.

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải quản lý hoạt động vận tải, quản lý kết cấu hạ tầng mạng lưới tuyến xe buýt (điểm đầu, điểm cuối, các trạm trung chuyển, nhà chờ, biển báo…) trên địa bàn;

- Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân sử dụng xe buýt, góp phần hạn chế phương tiện cá nhân và giảm thiểu tai nạn giao thông, ô nhiễm môi trường.

10. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh:

- Hướng dẫn các doanh nghiệp kinh doanh vận tải công cộng bằng xe buýt quy trình lập hồ sơ vay vốn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kinh doanh vận tải công cộng bằng xe buýt được tiếp cận tín dụng tại Quỹ với lãi suất ưu đãi.

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án nếu có khó khăn, vướng mắc yêu cầu các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Sở Giao thông vận tải để theo dõi, tổng hợp tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phương